

Cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế trong quá trình phát triển của Việt Nam

(Tiếp theo và hết)

LÊ CAO ĐOÀN

Hiện nay tái cấu trúc đang là vấn đề được đặt ra với nền kinh tế Việt Nam và đó là vấn đề hệ trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Vậy trên cơ sở nào và với phương thức nào nền kinh tế được tái cấu trúc? Để trả lời câu hỏi này, bài viết làm rõ lý luận về cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế, chỉ ra bản chất, quy luật và những tác động đến việc cấu trúc một nền kinh tế, đồng thời làm rõ vấn đề cơ bản và quyết định của việc cấu trúc của nền kinh tế Việt Nam trong quan hệ với việc thiết lập một hệ thống kinh tế cần thiết cho việc đưa nền kinh tế Việt Nam đến sự phát triển hiện đại.

2. Đổi mới kinh tế của Việt Nam. Đại cấu trúc nền kinh tế - xác lập một hệ thống kinh tế tất yếu cần thiết cho quá trình phát triển

2.1. Đặt vấn đề về tái cấu trúc

Những trình bày trên đây là cơ sở lý luận và thực tiễn để đọc và hiểu về công cuộc đổi mới kinh tế của Việt Nam, mà thực chất là một cuộc đại cấu trúc nhằm xác lập một hệ thống kinh tế phù hợp với sự phát triển hiện đại để đưa nền kinh tế Việt Nam vượt qua hai lần sóng: lần sóng nông nghiệp và lần sóng hậu công nghiệp, chuyển nền kinh tế tới sự phát triển hiện đại với những chuẩn mực và giá trị mà sự phát triển hiện đại toàn cầu tạo ra. Ở đây có hai vấn đề: i) đổi mới kinh tế, hay đại cấu trúc đã hoàn tất, tức đã cấu trúc xong nền kinh tế: xác lập được một hệ thống kinh tế cần thiết cho sự phát triển chưa? Nếu chưa, thì không thể gọi là tái cấu trúc, mà là tiếp tục đổi mới, tiếp tục công cuộc đại cấu trúc. Nếu coi là đã hoàn tất, song cấu trúc kinh tế không đạt được định hình của một hệ thống chuẩn, nên không có khả năng giải quyết vấn đề phát triển, vì thế phải cấu trúc lại, hay tái cấu trúc; ii) đổi mới, đại cấu trúc kinh tế của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh, nền kinh tế chịu nhiều sự chi phối: (a) làn sóng phát triển nông nghiệp; (b) làn sóng công nghiệp, hay sự phát triển có diện; (c) sự phát triển hiện đại, toàn cầu; (d) mô hình kinh tế Xã Việt đã được áp đặt vào nền kinh tế Việt Nam gần 3 thập kỷ. Những yếu tố này có bản chất khác nhau và

những xu thế trái chiều => sự phức tạp gây khó khăn trong việc xác lập một hệ thống thuần phác, đồng thời gây khó khăn cho việc nhận biết quá trình đại cấu trúc đã tiến triển tới đâu, cũng như xác định đúng tính chất hoàn chỉnh và tính chất đồng bộ của cấu trúc kinh tế tổng thể => gây khó khăn cho việc ra quyết định tác động vào quá trình đại cấu trúc. Điều khó khăn nhất, chính là xác định, về ngắn hạn có thể cấu trúc lại các hệ thống cấu trúc chức năng và từ đây, xác lập một hệ thống cấu trúc tổng thể, hay về dài hạn, trên cơ sở đại cấu trúc, tức xác lập nền tảng và khuôn mẫu tổng quát của cấu trúc tổng thể => xác lập các hệ thống cấu trúc chức năng hợp thành cấu trúc tổng thể. Hai vấn đề này sẽ giúp chúng ta nhận biết quá trình đại cấu trúc và từ đây hiểu rõ đại cấu trúc cần phải diễn ra như thế nào và xã hội tác động vào quá trình đại cấu trúc ra sao.

2.2. Vậy đại cấu trúc nền kinh tế đã diễn ra như thế nào và kinh tế Việt Nam đã tiến triển ra sao trong quá trình đổi mới, quá trình đại cấu trúc, xác lập hệ thống kinh tế thị trường định hướng cho sự phát triển

2.2.1. Những thành tựu phát triển của cuộc đổi mới

i) Nền kinh tế đã vượt qua trạng thái trì trệ khủng hoảng thiếu năng nề của thời kỳ trước đổi mới và được đặt vào tiến trình tăng trưởng với tốc độ khá cao. Bình quân tăng trưởng thời

Le Cao Đoàn, PGS TS, Viện Kinh tế Việt Nam

kỷ 1991 – 2009 là 7,44%, nằm trong top 10 nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. So với thời kỳ 1976 – 1985, tốc độ tăng trưởng dưới 2%, ta thấy thời kỳ sau đổi mới nền kinh tế đã có một sức sản xuất lớn gấp 3 lần so với trước đó và sự khác biệt về năng lực sản xuất như vậy chứng tỏ đổi mới đã tạo ra một bộ máy khác về chất so với thời kỳ trước đổi mới.

ii) Nền kinh tế đã vượt qua vạch tất yếu và chuyển nền kinh tế vào kỷ nguyên của thịnh dư và tích lũy. Trước 1986, sản xuất dưới mức tiêu dùng, nạn đói luôn là gánh nặng đè lên xã hội. Trước đổi mới, sản xuất lúa chỉ khoảng 13 triệu tấn. Sau đổi mới, sản lượng lúa đã đạt 50 triệu tấn, vượt xa mức tiêu dùng của dân cư, vì thế đã tạo ra cơ sở thức ăn cho ngành chăn nuôi => ngành chính và xuất khẩu với lượng lớn, gần 8 triệu tấn gạo một năm, bằng 2/3 sản lượng lúa cả năm thời kỳ trước đổi mới. Về tích lũy, tích lũy trong nền kinh tế đã hình thành, và tăng lên qua các năm, hiện nay đã đạt mức 30% ĐP, đây là mức tích lũy rất lớn. Theo cách tính của Rostow, thì một nước đang phát triển, có mức tích lũy và đầu tư khoảng 20 – 25% GDP và mức tăng trưởng trên 5%/năm, thì nền kinh tế đã có một bộ máy tốt, khiến cho trong vòng 3 – 4 thập kỷ, nền kinh tế đó có thể cán đích phát triển, tức cất cánh và chuyển thành nền kinh tế phát triển.

iii) Cơ cấu ngành của nền kinh tế đã được đặt vào quá trình di chuyển. và mức di chuyển là khá. Sau 25 năm, cơ cấu giữa ba lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ đã là: công nghiệp 40,9%, dịch vụ 38,1%, nông nghiệp 21%. *Đây chưa phải là cơ cấu của một nền kinh tế công nghiệp phát triển, nhưng đang định hình và tiến gần tới cơ cấu chuẩn của một nền kinh tế công nghiệp phát triển.* Bởi vậy, giữ đây với cơ cấu này, nền kinh tế Việt Nam không còn là nền kinh tế nông nghiệp, nhưng cũng chưa đạt tới một cơ cấu của một nền kinh tế công nghiệp phát triển. Nó đang định hình và đi tới cơ cấu của nền kinh tế công nghiệp phát triển.

iv) Nền kinh tế đã cán đích cất cánh. Năm 2010, GDP/đầu người của Việt Nam đạt trên 1100 USD (giá hiện hành). Đây là một mốc quyết định trong tiến trình phát triển: chiếc phi

thuyền kinh tế Việt Nam đã rời đường băng, cất cánh vào quá trình phát triển.

Nếu nhìn lại quá trình phát triển diễn ra trước 1986, tức trước đổi mới, mặc dù nền kinh tế được đặt trong tiến trình XHCN, nhưng với mô hình Xô Viết, nền kinh tế Việt Nam vẫn chìm trong làn sóng nông nghiệp kém phát triển, hơn nữa còn rơi vào trạng thái lạc hậu hóa nặng nề, vì vậy những thành tựu kinh tế cơ bản nêu trên cho ta thấy đổi mới đã làm cho nền kinh tế chuyển mình và đã có một sự thay đổi lớn trong năng lực, trong sức sản xuất. Nếu điều này diễn ra ở thập kỷ 60 – 70 của thế kỷ XX, thì sự phát triển của Việt Nam đã được xem là thần kỳ. Thực tế, khi xem xét lại sự “thần kỳ Đông Á”, ở đầu thập kỷ thứ nhất thế kỷ XXI, WB đã nhận xét, tưởng như Trung Quốc và Việt Nam đang lặp lại sự thần kỳ Đông Á.

Nhưng cần bình tĩnh và tỉnh táo xem xét kỹ “sự lặp lại thần kỳ Đông Á” của Việt Nam. Thứ nhất, mức tăng trưởng của Việt Nam là khá cao, nhưng tạo ra thần kỳ là chưa đủ. Sự thần kỳ của Đông Á được đặc trưng bởi mức tăng trưởng rất cao và liên tục: Nhật Bản tăng trưởng cao liên tục 23 năm với mức tăng bình quân 10,68%, năm cao nhất là 33,96%; Hàn Quốc đã tăng trưởng nhanh liên tục với mức tăng bình quân 8,9%, trong đó có 10 năm tăng liên tục trên 10%, năm cao nhất 15,16%; Đài Loan, 39 năm tăng trưởng nhanh liên tục 8,23%, trong đó có 10 năm tăng trên 10%, năm cao nhất tăng 13,86%. Quả là thần kỳ. Chính sự thần kỳ này đã giúp Hàn Quốc, Đài Loan vượt qua 2 làn sóng, đưa nền kinh tế tới sự phát triển hiện đại, năm 1996 Hàn Quốc trở thành thành viên của OECD, còn Nhật Bản => sự phát triển hiện đại, giữ vị trí thứ 2 của những nước phát triển nhất thế giới. Vào thập niên cuối thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI, tiến độ tăng trưởng trên 7% là mức tăng trưởng của nhiều nước. Trung Quốc có mức tăng trưởng trên 10%, có thể xem là đang lặp lại sự thần kỳ, còn mức tăng trưởng 7%, hơn nữa, mức tăng trưởng này ở những năm sau bấp bênh hơn và thấp hơn, vì thế dự đoán của WB, có vẻ Việt Nam và Trung Quốc lặp lại sự thần kỳ, thì chỉ Trung Quốc là có thể. Còn Việt Nam là chưa thể.

Thứ hai, sự phát triển là khó khăn, tạo ra sự thần kỳ càng khó khăn hơn, vì vậy, thần kỳ là một giá trị đặc trưng của sự thành công trong phát triển kinh tế. Vào thập niên cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, tiến trình phát triển hiện đại đã tạo ra những thay đổi lớn và căn bản trong cơ sở và điều kiện của sự phát triển, do vậy sự “thần kỳ” trở nên thuận lợi và dễ dàng hơn và là một việc có thể. Sự thần kỳ không chủ yếu ở tốc độ tăng trưởng mà ở sự phát triển, ở việc sau 3 thập kỷ nền kinh tế vượt được hai lần sóng để chuyển thành một nền kinh tế phát triển hiện đại với những chuẩn mực mà sự phát triển hiện đại tạo ra. Như vậy, vấn đề không chỉ dừng ở tăng trưởng mà ở sự phát triển, ở quá trình chuyển nền kinh tế đạt tới sự phát triển hiện đại với những chuẩn mực mà sự phát triển hiện đại trên thế giới đã tạo ra.

i) Trong mấy năm gần đây, những nghiên cứu về kinh tế Việt Nam đã tập trung phân tích về tăng trưởng và mô hình phát triển của Việt Nam, đặc biệt xoay vào mô hình tăng trưởng. Đó là mô hình: (a) dựa vào tăng vốn, lao động và tài nguyên, trong khi năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) là yếu. Đây là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng của một phương thức sản xuất có trình độ thấp; (b) mô hình tăng trưởng có chất lượng thấp, năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn nhiều so với các nước, hiệu quả kinh tế thấp, hệ số ICOR cao, tăng dần; (c) bộ máy kinh tế có năng lực và hiệu suất thấp, vốn đầu tư tập trung cao, đạt trên 40% GDP, tăng mạnh qua các năm, thời kỳ 2001 – 2005: 17,8%, thời kỳ 2006 – 2010: 19,3%, song hiệu quả đầu tư đạt không cao, giảm dần. Tổng đầu tư và tiêu dùng xã hội lớn hơn tổng GDP (đầu tư 43% + tiêu dùng cuối cùng 73%), nhưng mức tăng trưởng chỉ đạt ở mức thấp hơn nhiều so với các nước thời kỳ Đông Á và với Trung Quốc. Với năng lực yếu, sức sản xuất và hiệu quả thấp, nền kinh tế sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình, tức không phá vỡ được trần thủy tinh, để dẫn nền kinh tế => sự phát triển hiện đại. Quả thật, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xinggaop, sau 3 thập kỷ, nền kinh tế đã thay đổi hoàn toàn và đạt tới sự phát triển hiện đại, thu nhập đã đạt 20 – 30.000 USD/ đầu người. Trong khu đó, nền

kinh tế Việt Nam, mới chạm đích cất cánh với mức thu nhập hơn 1000USD. Giả sử, 1000 USD chia thành 10 khoảng, mỗi khoảng sẽ là 100 USD. Gần 30 năm Việt Nam mới vượt được 10 khoảng, tổng cộng là 1000 USD. Nên để đạt tới 20.000 USD, tức vượt qua 10 khoảng, nhưng 1 khoảng giờ đây là 2000, tức gấp 20 lần 10 khoảng của giai đoạn đi tới sự cất cánh, vậy liệu năng lực của bộ máy kinh tế như đã hình thành trong quá trình đổi mới vừa qua có thể giúp nền kinh tế vượt một khoảng lớn hơn 20 của giai đoạn trước không? Câu trả lời đã khá rõ ràng: là không. Điều này sẽ khiến tư duy của chúng ta di chuyển từ mô hình tăng trưởng sang mô hình phát triển, hay phương thức phát triển.

ii) Thực sự thì mấy năm gần đây, giới nghiên cứu đã tập trung phân tích sâu về mô hình tăng trưởng và nhiều nghiên cứu đã phân tích mọi mặt của mô hình tăng trưởng => kết luận là cần phải thay đổi mô hình tăng trưởng. Nhưng xét cho cùng, mô hình tăng trưởng hình thành không hoàn toàn do sự lựa chọn chủ quan, mà phần lớn bắt nguồn từ phương thức phát triển và cấu trúc kinh tế quy định. Vì vậy để khắc phục những trục trặc trong kinh tế, và giải quyết thành công vấn đề phát triển, cần phải xem xét và điều chỉnh phương thức phát triển và cấu trúc của nền kinh tế.

2.2.2. Bản chất của cấu trúc kinh tế hình thành trong quá trình đổi mới vừa qua

Những nghiên cứu gần đây đã chuyển hướng sang vấn đề cấu trúc của nền kinh tế và hướng việc thúc đẩy quá trình phát triển vào việc tái cấu trúc nền kinh tế => khắc phục những yếu kém của bộ máy kinh tế và sai lầm trong mô hình phát triển.

Hướng tư duy vào cấu trúc kinh tế nhằm xác lập một hệ thống, một bộ máy kinh tế cần thiết phù hợp cho sự phát triển là hoàn toàn đúng. Như phân dẫn luận đã chỉ ra, tư duy tái cấu trúc nền kinh tế lại chỉ dừng ở câu hỏi tái cấu trúc bắt đầu từ đâu và cần nhằm vào những đột phá nào là chưa đủ: i) về tái cấu trúc được xem là công việc tổ chức lại do nhà nước thực hiện: ii) chỉ dừng ở việc sửa chữa những hệ thống chức năng, tức sửa chữa những bộ phận hợp thành nền kinh tế. Vấn đề là ở chỗ, toàn nền kinh tế

hay toàn bộ hệ thống kinh tế, tức cấu trúc tổng thể của nền kinh tế đã và đang được bình thành như thế nào? Có những tính chất gì? Đại cấu trúc như vừa qua có đi tới một hệ thống kinh tế thị trường hiện đại cần thiết cho kinh tế => sự phát triển hiện đại không? Bởi vì, hệ kinh tế thị trường là điều cần bản, cốt yếu, quyết định trong việc cấu trúc một bộ máy kinh tế cần thiết cho sự phát triển, vì vậy, việc phân tích đại cấu trúc vừa qua cũng mới chỉ dừng ở phân tích sự hình thành của hệ kinh tế thị trường.

Phân tích cuộc đại cấu trúc do đổi mới tạo ra ta thấy:

(1) *Quá trình chuyển sang kinh tế thị trường đã diễn ra khá mạnh mẽ.* Điều này thể hiện: i) đã xác lập chủ thể kinh tế tư nhân. Quá trình này diễn ra mạnh nhất ở lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ nhỏ. Đây là một cấu phần cơ bản của hệ thống kinh tế thị trường; ii) các sản phẩm của lao động về cơ bản mang hình thái hàng hóa và thị trường được xác lập, đồng thời cơ chế thị trường đã được xác lập và ngày càng trở thành cơ chế chủ yếu chi phối hoạt động của nền kinh tế; iii) đã có một bước tiến lớn trong kinh tế thị trường: sự phát triển của các doanh nghiệp và làm cho kinh doanh => lợi nhuận trở thành yếu tố nòng cốt của hệ kinh tế thị trường; iv) nền kinh tế đã hội nhập mạnh vào mạng sản xuất – dịch vụ toàn cầu => (a) hoạt động xuất nhập khẩu đã tiến những bước mạnh mẽ, cho tới nay tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đã lớn hơn tổng GDP của nền kinh tế. Đây là một yếu tố mang tính chất động lực phát triển của nền kinh tế, và làm cho tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế ngày càng gắn kết và dựa mạnh vào mạng sản xuất – dịch vụ toàn cầu; (b) đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở nên mạnh mẽ. Tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã chiếm gần 1/3 tổng đầu tư, và khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo ra lượng kim ngạch xuất khẩu lớn; (c) năm 2007 Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO. Điều này không chỉ tạo động lực cho nền kinh tế thị trường Việt Nam phát triển, mà nó còn xác nhận một bước tiến lớn trong việc chuyển sang kinh tế thị trường: là một nền kinh

tế thuận theo các quy luật kinh tế và thể chế của nền kinh tế thị trường thế giới, và do vậy, nó chịu sự chi phối của các quy luật và cơ chế nền kinh tế hiện đại. Như vậy, việc hội nhập sâu vào nền kinh tế thị trường toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình chịu sự tác động và được cấu trúc bởi nền kinh tế thị trường hiện đại toàn cầu. Đây là điều hệ trọng nhất trong quá trình chuyển kinh tế Việt Nam từ kinh tế tiểu nông lạc hậu và được cấu trúc bởi hệ thống kinh tế Xô Viết sang kinh tế thị trường hiện đại. Có thể nói, nền kinh tế Việt Nam đang dần tiến tới một hệ thống kinh tế thị trường với khuôn mẫu hiện đại.

(2) *Đổi mới, chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị trường chưa triệt để, chưa thích ứng, chưa phù hợp với những chuẩn mực của kinh tế thị trường hiện đại.*

Như vậy, một mặt, đổi mới chuyển sang kinh tế thị trường và nền kinh tế được cấu trúc bởi hệ kinh tế thị trường và mạng sản xuất – dịch vụ toàn cầu, chính là nhân tố quyết định trong sự chuyển mình của nền kinh tế và việc đạt được những thành tựu như ta đã thấy. Mặt khác những trục trặc, cũng như sự bất ổn trong sự phát triển kinh tế, suy đến cùng cũng bắt nguồn từ việc đại cấu trúc hệ thống kinh tế. Bởi vì đại cấu trúc nền kinh tế quyết định đến tính chất, mô hình phát triển tăng trưởng kinh tế, do đó quyết định đến những thành công và cả những trục trặc, bất ổn trong phát triển kinh tế.

Đặc điểm nổi bật và có tính chất quyết định đến việc xác lập, cấu trúc một hệ thống kinh tế cần thiết cho sự phát triển là đổi mới mô hình kinh tế Xô Viết phi thị trường và chủ huy. Ở đây, đổi mới kinh tế là nhằm xác lập một nền kinh tế thị trường hiện đại cho sự phát triển, thực chất là thay đổi, đúng ra là giải thể hay gỡ bỏ mô hình Xô Viết ra khỏi nền kinh tế. Ta biết rằng xác lập một hệ thống kinh tế thị trường trong một nền kinh tế không qua mô hình Xô Viết là một quá trình nội tại diễn ra từ thấp lên cao theo quy luật tiến hóa và phát triển của tiến trình kinh tế. Quá trình này đồng thời là sự giải thể kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp của sản xuất nhỏ tiểu nông. Sự hình thành hệ kinh tế thị trường diễn ra nhanh chậm tùy vào bởi

cảnh, vào những cơ sở, điều kiện phát triển, nhưng không thể dùng mệnh lệnh để giải quyết việc chuyển hóa từ sản xuất nhỏ, kinh tế tự nhiên thành kinh tế thị trường phát triển (C.Mác: "Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện ra được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xoá bỏ những giai đoạn đó"). Tuy nhiên, trường hợp giải thể hay gỡ bỏ mô hình Xô Viết ra khỏi nền kinh tế lại hoàn toàn khác. Bởi vì, mô hình Xô Viết được xác lập ở các nước XHCN, trong đó có Việt Nam, trước đây là sự áp đặt một mô hình đối lập với kinh tế thị trường vào nền kinh tế theo ý chí chủ quan thông qua nghị quyết và mệnh lệnh, chứ không phải là kết quả tiến hóa tự nhiên trong nội tại của tiến trình kinh tế và theo những quy luật của sự phát triển kinh tế, bởi vậy, mô hình này sẽ ra khỏi nền kinh tế cũng bằng cách mà nó áp đặt vào nền kinh tế: bằng ý chí và bởi sắc lệnh. Sự sụp đổ của mô hình Xô Viết ở Liên Xô, Đông Âu thực chất là tuân theo quy luật nội tại của sự phát triển: một hệ thống không phù hợp và không phải là hệ kinh tế tất yếu đủ được hỗ trợ bởi các lực lượng phi kinh tế mạnh cỡ nào, rồi cuộc cũng bị đào thải khỏi nền kinh tế. Nhưng về hình thức, sự đào thải của mô hình Xô Viết ở Liên Xô, Đông Âu cũng được quyết định và thực hiện bởi những sắc lệnh quyết định xoá bỏ mô hình đó.

Hình thức giải thể và gỡ bỏ mô hình Xô Viết có sự khác nhau, nhưng thực ra, xét cho cùng không quan trọng. Điều quan trọng, để hệ kinh tế thị trường được xác lập, và nhất là được phát triển tự nhiên theo những quy luật của mình, thì việc gỡ bỏ những yếu tố của hệ kinh tế Xô Viết, vốn là cái đối lập, do đó là cái cản trở sự phát triển của kinh tế thị trường mới là điều cơ bản và quyết định. ở một ý nghĩa nhất định, mô hình Xô Viết có đối sống của mình là một thể chế, vì vậy, có thể gỡ bỏ một cách tức thời nhờ một sắc lệnh huỷ bỏ nó. Nếu không như vậy, nó sẽ tồn tại lay lắt cùng với sự cản trở nặng nề của nó đối với sự phát triển của kinh tế thị trường => cần trở sự phát triển của bản thân kinh tế.

Dương nhiên, trong đổi mới đã có sự chuyển biến từ kinh tế mô hình Xô Viết => kinh tế thị

trường. Đổi mới đã dần chuyển nền kinh tế sang hệ kinh tế thị trường thông qua chủ trương và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, việc gỡ bỏ mô hình kinh tế Xô Viết ra khỏi nền kinh tế là chưa triệt để về cơ bản những yếu tố chủ yếu và quyết định của mô hình Xô Viết còn được giữ lại, và có sự biến đổi, song chỉ là sự biến tướng:

i) *Thuộc tính thứ nhất của mô hình Xô Viết. Đó là thuộc tính công hữu nhà nước của mô hình kinh tế Xô Viết.* Thuộc tính công cộng của kinh tế mô hình Xô Viết được thống nhất hay đồng nhất với tính chất nhà nước. Ta đã biết, trong kinh tế mô hình Xô Viết thuộc tính công cộng, hay thuộc tính công hữu được mang hai hình thức, đó là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân lại tồn tại dưới hình thức kinh tế nhà nước, còn kinh tế tập thể tồn tại dưới hình thức kinh tế hợp tác xã, nhưng rồi cuộc hợp tác xã cũng chuyển đổi thành kinh tế hợp tác xã của kinh tế thị trường. Nhưng kinh tế nhà nước ở hình thức các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thì về cơ bản, bản chất công hữu còn được duy trì khá nặng. Tại sao trong nền kinh tế thị trường, những doanh nghiệp nhà nước này lại mang bản chất kinh tế công hữu của mô hình Xô Viết? Bởi vì, là doanh nghiệp nhà nước nên quan hệ bao cấp và cơ chế hành chính về cơ bản là khung khổ hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, và do vậy, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước thực chất đã được đặt ra ngoài cơ chế thị trường. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động bởi vốn nhà nước với hậu thuẫn và ưu đãi của tín dụng nhà nước. Mặc dù đặt trong quan hệ thị trường, nhưng đời sống kinh tế của nó lại do nhà nước quyết định. Nó ra đời và được duy trì là bởi sắc lệnh và nghị quyết của nhà nước. Nói chung sinh mệnh kinh tế của nó không phải do thị trường quyết định: khi thua lỗ, các xí nghiệp này không bị phá sản, mà được nuôi dưỡng bởi ngân sách nhà nước bù lỗ, hoặc được tổ chức, được tái lập thành một hình thức hoạt động khác, song bản chất thì không thay đổi. Trong quá trình đổi mới, loại hình kinh tế nhà nước này có sự biến tướng, về số lượng có giảm - song vai trò lại ít thay đổi: là nền tảng và chủ đạo

trong nền kinh tế. Trên thực tế, loại hình kinh tế nhà nước này chiếm 30% vốn đầu tư, song giữ 60% tài sản tích lũy, hơn nữa là lực lượng tập trung và giữ những “đỉnh cao chỉ huy”, tức nắm những khâu cơ bản then chốt chính của nền kinh tế.

ii) *Thuộc tính thứ hai của mô hình Xô Viết là thuộc tính chỉ huy.* Đối với kinh tế đã chuyển nền kinh tế khá mạnh sang kinh tế thị trường, nhưng thuộc tính chỉ huy của mô hình Xô Viết thay đổi ít nhất, hay còn được giữ lại, duy trì và tăng cường nhiều nhất. Ở đây, nhà nước không chỉ điều chỉnh, điều tiết các cân bằng trong nền kinh tế bằng các chính sách, mà nhà nước là người tổ chức và điều hành nền kinh tế theo những mục tiêu và bằng những lực lượng kinh tế của mình. Việc nhà nước duy trì một hệ thống doanh nghiệp nhà nước là nằm trong quan hệ để nhà nước trực tiếp chi phối nền kinh tế. Ngoài ra nhà nước nắm các đỉnh cao chỉ huy, khiến cho nhà nước hoàn toàn chi phối nền kinh tế, vì vậy, có thể xem, kinh tế nhà nước đã có một đời sống mới, nó không những được duy trì mà còn thăng tiến.

iii) *Tính chất nhị thể của cấu trúc kinh tế hình thành trong thời kỳ đổi mới.* Thực ra, kinh tế thị trường hiện đại là kinh tế hỗn hợp, hỗn hợp giữa kinh tế công và kinh tế tư nhân và giữa điều tiết bởi thị trường và điều chỉnh của nhà nước. vì thế, nền kinh tế thị trường Việt Nam, sau đổi mới, về hình thức, nó có định dạng kinh tế hỗn hợp như kinh tế thị trường hiện đại. Nhưng có sự khác biệt cơ bản trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Sự hỗn hợp của hai nguyên tố, hay hai cấu phần thị trường và nhà nước tư nhân và nhà nước là hai cấu phần của cùng một thể, tức hệ kinh tế thị trường hiện đại. Chúng cùng một bản chất, theo một chỉnh thể và thống nhất. Chúng chỉ khác nhau về chức năng, hay chúng mang các chức năng khác nhau của một bộ máy thông nhất. Còn nền kinh tế Việt Nam sau đổi mới được cấu trúc bởi hai cấu phần khác nhau về bản chất, một đẳng là kinh tế thị trường đang được xác lập, đẳng kia là những phần còn lại của hệ kinh tế mô hình Xô Viết phi thị trường và chỉ huy. Đây là sự lắp ghép cơ học của hai thể kinh tế khác nhau về chất để tạo ra

một nền kinh tế nhị thể. Điều hệ trọng nhất ở đây là những phần còn lại của mô hình Xô Viết là phần giữ địa vị nền tảng và chủ đạo, nghĩa là, về thực chất nó là yếu tố quyết định và chi phối nền kinh tế. Hơn nữa, nhà nước không chỉ là chủ thể của phần kinh tế công, nắm trong tay những đỉnh cao chỉ huy, và là người xác lập thể chế, pháp luật mà điều hệ trọng nhất, nhà nước là người đưa ra chủ trương, đường lối, chính sách phát triển, nhà nước $\Rightarrow$ chủ thể kinh tế chung bao trùm và quyết định hoạt động của toàn nền kinh tế. Đến lượt mình, điều này dẫn tới:

i) Thể kinh tế Xô Viết là phần lạc hậu, không phù hợp với sự phát triển, hơn nữa chống lại sự phát triển, vì thế nó có sức sản xuất kém nhất, hiệu quả thấp nhất, cho nên nguyên thể của nó đã bị tiến trình phát triển làm cho sụp đổ, bị đào thải. Vì thế, thể kinh tế Xô Viết không thể giữ được vị trí nền tảng và đóng được vai trò chủ đạo dẫn dắt sự phát triển của nền kinh tế. Sự hiện hữu của nó làm cho cấu trúc kinh tế trở nên lạc hậu, kém hiệu quả, giảm sức sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

ii) Điều hệ trọng hơn, sự hiện hữu của thể kinh tế Xô Viết sẽ kìm hãm cản trở sự phát triển của hệ kinh tế thị trường, khiến nền kinh tế không thành một chỉnh thể tự vạch đường đi theo những quy luật nội tại, cụ thể nó chèn ép và cản trở khu vực kinh tế tư nhân, cản trở doanh nghiệp tư nhân phát triển làm méo mó cơ chế thị trường $\Rightarrow$ cản trở hệ kinh tế thị trường đạt tới khung mẫu hiện đại chuẩn, làm thành hệ kinh tế tất yếu của sự phát triển $\Rightarrow$ cản trở bản thân sự phát triển của nền kinh tế.

iii) Điều hệ trọng nhất, giữa hai thể kinh tế có bản chất trái ngược và đối lập nhau, hình thành mâu thuẫn không dung hoà trong nền kinh tế. Mâu thuẫn này sẽ làm cho nền kinh tế tái lập trạng thái trầm tích cấu trúc trong đó, phương thức sản xuất, kết cấu kinh tế tiền tiến, hiện đại không cải tổ cấu trúc nền kinh tế theo diện mạo của mình, trong khi các phương thức sản xuất, cấu trúc kinh tế lạc hậu, lỗi thời, không phù hợp lại không bị tan rã giải thể, trải lại, được tồn tại, duy trì, thậm chí tăng cường, khiến cho nền kinh tế rơi vào chỗ luẩn quẩn, không thể bứt phá lên được. Có thể nói, trạng

thái trầm tích kết cấu chính là cái tạo ra "trần thủy tinh" của bấy thu nhập trung bình.

Tất cả những điều trên, đến lượt mình => hậu quả sau:

1) Làm cho đại cấu trúc nền kinh tế không đạt tới một nền kinh tế thị trường phát triển, do đó không tạo ra một hệ kinh tế cần thiết cho sự phát triển. Điều này hàm nghĩa, đổi mới kinh tế không thể đi tới cái đích cuối cùng của mình là xác lập hệ kinh tế thị trường thành hệ kinh tế cần thiết cho sự phát triển, nhờ đó giải quyết thành công sự phát triển.

2) Với một cấu trúc nhị thể, nền kinh tế sẽ không có một cơ chế thích hợp cho việc phân bổ và không có được các chủ thể cần thiết cho việc sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực, do vậy, nền kinh tế không thể được đặt vào đường sản lượng tiềm năng và đạt được hiệu quả pareto. Thời gian vừa qua, giới nghiên cứu đã phân tích sâu sắc mô hình tăng trưởng của nền kinh tế hình thành trong quá trình đổi mới kinh tế và xác mô hình định tăng trưởng của một nền kinh tế là lạc hậu, có chất lượng thấp và hiệu quả kém. Với mô hình tăng trưởng này, nền kinh tế sẽ không phá vỡ được trần thủy tinh và bị luẩn quẩn trong bấy thu nhập trung bình, tức phát triển không thành công. Nhưng xét cho cùng mô hình tăng trưởng như vừa qua là xuất phát từ tính nhị thể của cấu trúc kinh tế. Mô hình nhị thể không những cản trở hệ kinh tế thị trường cấu trúc nền kinh tế thành một nền kinh tế phát triển, mà còn cản trở quá trình nền kinh tế phát triển hiện đại toàn cầu cấu trúc nền kinh tế => kinh tế phát triển hiện đại, tức giúp kinh tế Việt Nam vượt qua hai lần sóng phát triển => nền kinh tế phát triển hiện đại với những chuẩn mực phát triển hiện đại toàn cầu tạo ra.

3) Từ tính nhị thể của cấu trúc kinh tế, phát sinh những hệ lụy kinh tế xã hội không mong muốn: i) Các khu vực kinh tế khác nhau trong nền kinh tế, kể cả kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, không dựa vào cạnh tranh trong cơ chế thị trường để thăng tiến, trái lại dựa vào kinh tế nhà nước và khai thác những bất cập trong quản lý nhà nước để lợi dụng nền kinh tế để kiếm lời. Đó là hiện tượng Rent - seeking chính trị. Điều này sẽ làm suy đồi kinh tế nhà

nước và hư bại khu vực kinh tế tư nhân vốn là khu vực năng động và là cái trực phát triển của nền kinh tế; ii) Có thể biến nhà nước thành nhà nước thân hữu, hình thành các nhóm lợi ích và đặc biệt, biến nền kinh tế => hệ thống hành chính được kiến tạo bởi các nền kinh tế tỉnh, vốn là một đơn vị hành chính của nhà nước.

4) Rốt cuộc tính nhị thể của cấu trúc chung => quyết định tính chất không hoàn chỉnh, không đồng bộ của các hệ thống chức năng hợp thành hệ thống tổng thể của nền kinh tế. Đến lượt mình các hệ thống chức năng không đạt tới sự hoàn chỉnh và đồng bộ, hơn nữa sự hình thành các hệ thống chức năng còn bị méo mó, sai lạc, không thích hợp và không đáp ứng được yêu cầu phát triển và sự vận hành của cả hệ thống => khiến cho năng lực, hiệu quả của từng hệ thống kém => năng lực và hiệu quả của tổng thể hệ thống kém.

5) Việc hệ thống kinh tế hình thành như vừa qua sẽ không thể hội nhập thành công vào tiến trình phát triển hiện đại, nhờ đó dùng sự phát triển hiện đại toàn cầu => hiện đại hóa nền kinh tế => nền kinh tế vượt qua hai lần sóng và đưa nền kinh tế => sự phát triển hiện đại với chuẩn mực mà sự phát triển hiện đại toàn cầu tạo ra. Điều tệ hại có thể xảy ra là nền kinh tế có thể bị trật khớp, phát triển sẽ rơi vào bấy thu nhập trung bình.

Như vậy, đổi mới kinh tế - thực chất là đại cấu trúc nền kinh tế => xác lập hệ thống thị trường hiện đại cho sự phát triển trong điều kiện tiến trình phát triển hiện đại toàn cầu đã chưa hoàn thành. Việc nền kinh tế được cấu trúc thành một hệ thống nhị thể do hệ kinh tế Xô Viết không được gỡ ra khỏi nền kinh tế, trái lại còn được duy trì trong nhiều hình thái biến tướng, hơn nữa giữ vị trí nền tảng và có vai trò chủ đạo => nền kinh tế không thể trở thành hay được cấu trúc thành hệ thống kinh tế thị trường thuần phác, lại càng không thể => hệ thống kinh tế thị trường hiện đại thích ứng với sự phát

4 Hiện tượng Rent - Seeking diễn ra khi một cá nhân, hay tổ chức, hay doanh nghiệp kiếm lời thông qua hành vi thao túng môi trường kinh tế, hoặc pháp lý thay vì hoạt động thương mại hay sản xuất, ở đây thu nhập không phải nhờ nỗ lực cạnh tranh trên thị trường mà nhờ hành vi thao túng môi trường kinh tế và pháp luật

triển hiện đại toàn cầu. Mặt khác, các hệ thống chức năng được cấu trúc thành các hệ thống chức năng không hoàn chỉnh, không đồng bộ phù hợp với hệ thống kinh tế thị trường tổng thể chỉ là hệ quả của trạng thái nhị thể. Đến lượt mình, điều này càng làm cho hệ thống tổng thể cách xa với chuẩn mực của một hệ thống kinh tế thị trường hiện đại tất yếu và cần thiết cho sự phát triển hiện đại. Điều này hàm nghĩa, đổi mới kinh tế và do đó cuộc đại cấu trúc nền kinh tế đã chưa đi hết con đường của mình, mà điều hệ trọng hơn, việc đổi mới và đại cấu trúc đã chưa thực sự nhằm vào việc tạo ra hệ thống kinh tế thị trường phát triển hiện đại cho việc giải quyết thành công sự phát triển của Việt Nam. Kết quả là tăng trưởng với chất lượng kém và sự phát triển chậm, không mang tính hiện đại, có nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình, thực chất là phát triển thất bại. Nói khác đi, đổi mới và đại cấu trúc còn có những lỗi rất cơ bản và chưa đi tới đích cuối cùng.

Đương nhiên trong bối cảnh đổi mô hình tăng trưởng chất lượng thấp, các hệ thống chức năng hình thành chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, việc thay đổi mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc các hệ thống chức năng của nền kinh tế là cần thiết, cấp bách và là vấn đề hệ trọng. Tuy nhiên, đây là ngọn của vấn đề. Bởi vì mô hình tăng trưởng và các hệ thống chức năng như ta đã thấy là bắt nguồn từ sự đổi mới *không triệt để*, đại cấu trúc diễn ra không phù hợp do đó không xác lập được một hệ thống kinh tế thị trường cần thiết cho sự phát triển. Chính hệ thống kinh tế thị trường này là gốc, là nền tảng trên đó mô hình tăng trưởng cần thiết và hệ thống chức năng hoàn chỉnh, đồng bộ hình thành, phát triển. Thực ra có hai điều nhấn mạnh:

i) Thiêu một hệ thống kinh tế thị trường thích ứng và phù hợp, việc cấu trúc lại hệ thống chức năng và thay đổi mô hình tăng trưởng sẽ không thể thực hiện được. Một mặt, đó là việc *nhà nước tổ chức lại* các hệ thống chức năng và thay đổi mô hình tăng trưởng. Nhưng hành động tổ chức đó liệu có tạo ra các hệ thống chức năng hoàn chỉnh và đồng bộ và một mô hình tăng trưởng phù hợp? thực ra đó là vấn đề chuyển biến nội tại, tự cấu trúc của hệ thống kinh tế thị trường khác quan, trong đó cơ chế

thị trường và quy luật kinh tế cơ bản là cơ chế và động lực của quá trình tự cấu trúc nên hệ thống chức năng của bộ máy kinh tế và quy định nội tại mô hình tăng trưởng thích ứng.

ii) Việc sửa chữa những cái sai bộ phận trong một cái sai tổng thể, cái sai từ cội nguồn, gốc rễ về cơ bản là vô nghĩa, xét cho cùng là không thể thành công. Bởi vậy vấn đề cơ bản chính là tiếp tục đổi mới, tiếp tục cuộc đại cấu trúc, thực hiện đổi mới triệt để, tức là gỡ bỏ triệt để những phần còn lại của hệ kinh tế mô hình Xô Viết ra khỏi nền kinh tế, đồng thời chuyển sang kinh tế thị trường nhằm xác lập một hệ kinh tế thị trường hiện đại với những chuẩn mực và khung khổ của một hệ thống kinh tế thị trường hiện đại. Chính đây là nền tảng, là cái gốc của việc hình thành mô hình tăng trưởng, phát triển phù hợp và hình thành các hệ thống chức năng hoàn chỉnh và đồng bộ => kiến tạo một hệ thống tổng thể hoàn chỉnh cho sự phát triển.

Cũng nhận thấy rằng đổi mới kinh tế của Việt Nam đồng thời là đổi mới CNXH, chuyển việc xây dựng CNXH mô hình Xô Viết sang định hướng XHCN. Mà định hướng XHCN là xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tức đạt được các giá trị cao của sự phát triển. Bởi vậy, nội dung của quá trình => định hướng XHCN chính là giải quyết thành công sự phát triển. Có thể nói quá trình phát triển kinh tế đó chính là cái trục của định hướng XHCN. Điều này hàm nghĩa, câu chuyện tái cấu trúc lại quy về vấn đề đổi mới kinh tế, vấn đề đại cấu trúc nền kinh tế, tức vấn đề xác lập hệ kinh tế thị trường hiện đại cần thiết cho việc giải quyết thành công sự phát triển hiện đại của Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác - Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tập 4, tập 13 và tập 23. Nxb Chính trị - quốc gia. Hà Nội 2002
2. Daniel Yergin & Joseph Stanislan: Những đỉnh cao chi huy. Nxb Trí Thức. Hà Nội 2006
3. Jusun Yifulin: Học thuyết kinh tế cơ cấu mới. Nxb nghiên cứu thế giới
4. Komai Jasnos: "Hệ thống XHCN" và "Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường". Nxb văn hóa - 2002
5. Todd G. Buchholz: ý tưởng mới từ các kinh tế gia tiền bối. Nxb tri thức. Hà Nội 2007
6. Jamshid Gharajedaghi. Tư duy hệ thống. Nxb Khoa học - Xã hội. Hà Nội. 2005
7. Tập thể tác giả. Tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam - bắt đầu từ đâu. Nxb Thanh niên. 2011.